

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2022/HS-ST
Ngày 18-3- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn;
2. Bà Hoàng Thị Phụng.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2022/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12A/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Tạ Xuân H, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1966 tại Thái Bình

Nơi cư trú: Số nhà 17, ngõ 07, đường D, tổ 01, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Tạ Xuân B (đã chết) và bà Đỗ Thị L (bà L được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3). Có vợ thứ nhất là Nguyễn Thị Anh P (đã ly hôn), vợ thứ hai là Nguyễn Thị T (đã ly hôn). Có 03 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Năm 1987 đến 1988 tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ tư lệnh pháo Binh, thành phố Hà Nội

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2021 đến ngày 21/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại:

+ Anh Đào Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 532, đường T, tổ 14, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Nhâm Văn T1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

+ Anh Vũ Thế Chinh, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà Tạ Thị Thanh V, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 84, đường số 07, tổ 23, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Tạ Xuân H đã nói dối anh Đào Văn T là bản thân có khả năng mua được đất tại dự án khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Do tin tưởng H có khả năng mua được đất tại dự án khu đô thị Vũ Phúc nên sau khi anh T trao đổi với anh Vũ Thế C và anh Nhâm Văn T1 về nội dung này. Ngày 31/5/2019 anh T cùng anh K, anh T đến gặp H để đặt vấn đề mua đất tại khu dự án đô thị xã Vũ Phúc. Trong quá trình nói chuyện H giới thiệu là anh trai của chị Tạ Thị Thanh V, giám đốc Công ty cổ phần và thương mại V, Công ty V được phân phối bán dự án khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Hải lấy được một số lô đất trong dự án do Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T, chủ đầu tư dự án, trước đó có nợ Công ty V 30 tỷ nên quy đổi sang trả bằng đất. H cho anh T, anh K, anh T1 xem bản đồ dự án khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình để chọn lô muốn mua. Anh T chọn lô đất số 07 – A2 – LK02, anh K chọn hai lô là 05,06 – A2 – LK04, anh T chọn 01 lô đất thuộc dãy A2 – LK04. Sau khi chọn được vị trí lô đất, anh T, anh K và anh T cùng H thống nhất đặt cọc mỗi lô đất là 70.000.000 đồng. H đồng ý và làm hợp đồng đặt cọc, mỗi bên giữ một bản. Anh T đã giao cho H 70.000.000 đồng, anh K và anh T1 mỗi anh giao cho H 140.000.000 đồng.

Ngày 07/6/2019 anh Vũ Thế C có nhu cầu mua đất tại dự án khu đô thị Vũ Phúc nên anh C nhờ anh T dẫn đến nhà H tại số 17, ngõ 07, đường D, tổ 01, phường P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Cũng bằng phương thức như trên, H đã làm cho anh C tin tưởng và đặt cọc cho H 70.000.000 đồng để mua lô đất số 04 – A4 – LK02. Tổng số tiền H nhận của các anh T, K, T1, C là 420.000.000 đồng H đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi đặt cọc tiền mua đất bốn người trên thường xuyên trao đổi với H về việc mua các lô đất nêu trên nhưng H nói chưa được giao đất. Do thời gian đã lâu

không thấy H mua được đất như đã thỏa thuận nên nhiều lần anh T anh K và anh T1, anh Chinh yêu cầu H trả lại số tiền trên nhưng H khát lần không trả. Đến tháng 6/2020 H đã trả lại cho anh K 140.000.000 đồng. Các anh C, T, T1 không được H trả lại tiền nên đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an thành phố Thái Bình. Đến ngày 24/7/2021 H đã trả anh C 70.000.000 đồng. Đối với số tiền H nhận của anh T và anh T1, sau khi bị khởi tố, H đã nhờ em gái là chị Tạ Thị Thanh Vân bồi thường cho anh T 70.000.000 và anh T1 140.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết liên qua đến các hợp đồng đặt cọc tiền mua đất. Tại Bản kết luận giám định số 53/KLGĐTL – PC09 ngày 09/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dưới mục “ĐẠI DIỆN CÔNG TY V” (trừ dòng chữ viết “Vũ Thế C”) trên mẫu cần giám định A1 so với chữ ký, chữ viết của Tạ Xuân H trên các mẫu so sánh từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết dưới mục “đại diện bên Bán” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 so với chữ ký, chữ viết của Tạ Xuân H trên các mẫu so sánh từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.

3. Phần chữ viết có nội dung: “tôi Tạ Xuân H – 24/7/2021. Đã trả Cháu T1 Số Tiền là 40 Triệu Đồng.....Ký tên và “Đã....Đủ 70.000.000. Bảy mươi triệu Đồng Chẩn 01 Lô....Vũ Thế C”. Trên mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Tạ Xuân H trên các mẫu so sánh từ M1 đến M 5 do cùng một người viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết mang tên Tạ Xân H trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với chữ ký, chữ viết của Tạ Xuân H trên các mẫu so sánh từ M1 đến M 5 do cùng một người viết ra.

Kết quả xác minh tại Công ty cổ phần đầu tư xuất khẩu T xác định: Công ty có tham gia đấu thầu, đầu tư dự án Khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và đã trúng thầu. Ngoài công ty thì không có bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác tham gia đầu tư tại dự án khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Công ty cũng không phân phối đất trong dự án khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cho Công ty cổ phần tổng hợp thương mại V. Kể từ thời điểm công ty mở bán các lô đất trong dự án khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thì công ty không giao dịch và không ký kết hợp đồng mua bán, đặt cọc đất liên quan đến khách hàng mang tên Tạ Xuân H, sinh năm 1966, trú tại tổ 01, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại bản cáo trạng số 32/CT - VKSTP ngày 24/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Tạ Xuân H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Tạ Xuân H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Tạ Xuân H như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Tạ Xuân H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Xuân H từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22/9/2021 đến ngày 21/01/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tạ Xuân H đã tự bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Nguyễn Văn K và anh Vũ Thế C đồng thời tác động đến gia đình bồi thường thiệt hại cho những người bị hại còn lại. Bà Tạ Thị Thanh V là em gái bị cáo đã thay bị cáo bồi thường 70.000.000 đồng cho anh Đào Văn T, 140.000.000 đồng cho anh Nhâm Văn T1 các bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu đề nghị gì thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bà V cũng không yêu cầu H phải hoàn trả số tiền bà đã thanh toán cho các bị hại thay bị cáo, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị Thanh V không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường thay bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở khẳng định: Vào ngày 31/5/2019 và ngày 07/6/2019, Tạ Xuân H mặc dù không có đất và không được giao bán các lô đất tại khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhưng đã gian dối để tạo lòng tin với các anh Tg, K, T1, C về việc bị cáo có thể mua được đất tại khu đô thị xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình với giá ưu đãi nên các anh T, K, T1, C đã đặt vấn đề nhờ bị cáo mua 06 lô đất trong dự án và giao số tiền đặt cọc cho bị cáo, mỗi lô là 70.000.000 đồng, tổng số là 420.000.000 đồng. Bị cáo không dùng số tiền này để giao dịch đặt cọc mua đất cho người bị hại mà tiêu xài cá nhân

hết. Khi những người bị hại liên tục trao đổi về việc mua đất và yêu cầu trả lại tiền cọc thì bị cáo đã tìm cách không trả để chiếm đoạt của anh T 70.000.000 đồng, của anh K 140.000.000 đồng, của anh T1 140.000.000 đồng và của anh C 70.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vì không chịu lao động mà vẫn muốn có tiền tiêu xài nên đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là trên 200.000.000 đồng và dưới 500.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về tinh thần đối với người bị hại

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Do trị giá tài sản mà H gian dối để chiếm đoạt của các bị hại trên 2.000.000 đồng, dưới 50.000.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Tạ Xuân H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng đã thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần với nhiều người khác nhau thuộc vào trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần quyết định mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên cũng xét bị cáo thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường và tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo còn có mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, bản thân bị cáo có thời gian tham gia quân đội, đóng góp một phần công sức vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Do bị làm công việc tự do và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Tạ Xuân H đã trực tiếp khắc phục một phần thiệt hại và tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại còn lại, các bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm. Bà Tạ Thị Thanh V, em gái bị cáo, là người đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh T và anh T1, bà V không đề nghị bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền đã thanh toán cho các bị hại nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Tạ Xuân H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Tạ Xuân H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 22/9/2021 đến ngày 21/01/2022.
3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết
4. Về án phí: Bị cáo Tạ Xuân H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Tạ Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/3/2022). Bà Tạ Thị Thanh V có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/3/2022).

Bị hại là anh Đào Văn T anh Nguyễn Văn K, anh Nhâm Văn T1, anh Vũ Thế C, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP. Thái Bình;*
- *Cơ quan điều tra CATP Thái Bình;*
- *Nhà tạm giữ CATP Thái Bình/Trại
tạm giam CA tỉnh Thái Bình;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hiền

